

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DANH MỤC

Danh mục	1 tháng	3 tháng	YTD	1 năm	2 năm	Ngày bắt đầu	Upside	Khuyến nghị	Thời gian nắm giữ
Lợi thế cạnh tranh	3,95%	10,42%	5,06%	24,02%	24,02%	31/10/2023	6,37%	THEO DÕI	> 1 năm
Đầu tư giá trị	4,15%	2,61%	2,15%	15,24%	15,24%	31/10/2023	15,57%	TĂNG TỶ TRỌNG	> 1 năm
Tài chính tăng trưởng	6,20%	21,07%	11,77%	37,30%	37,30%	31/10/2023	0,57%	CHỐT LỖI	6-9 tháng
Đầu tư thuận xu thế	4,38%	10,88%	6,86%	33,18%	33,18%	31/10/2023	8,34%	THEO DÕI	3-6 tháng
Cổ tức ổn định	2,89%	4,35%	-0,01%	15,57%	15,57%	31/10/2023	12,00%	CƠ CẤU	> 1 năm
VN-Index	3,39%	9,20%	6,25%	16,95%	16,95%				

▪ Dữ liệu tính đến ngày 15/02/2024

▪ Dữ liệu phản ánh lợi suất sinh lời trong quá khứ của danh mục, không phải là chỉ báo đáng tin cậy về hiệu suất sinh lời trong tương lai. Tỷ suất sinh lời được xác định dựa trên chênh lệch giá và gộp với tỷ trọng của từng mã cổ phiếu trong danh mục, không loại trừ thuế và các chi phí khác.

CƠ CẤU DANH MỤC

LỢI THẾ CẠNH TRANH			Upside	6%
Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
PVT	VND 26.750	VND 27.200	1,7%	10%
DGW	VND 57.500	VND 60.200	4,7%	30%
FPT	VND 104.000	VND 108.600	4,4%	25%
VCB	VND 89.900	VND 102.500	14,0%	15%
CTR	VND 95.700	VND 98.100	2,5%	20%

ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ			Upside	16%
Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
REE	VND 58.300	VND 68.200	17,0%	25%
DGC	VND 95.400	VND 98.200	2,9%	30%
GAS	VND 75.700	VND 91.500	20,9%	10%
VNM	VND 67.600	VND 76.800	13,6%	10%
DCM	VND 34.000	VND 36.800	8,2%	25%

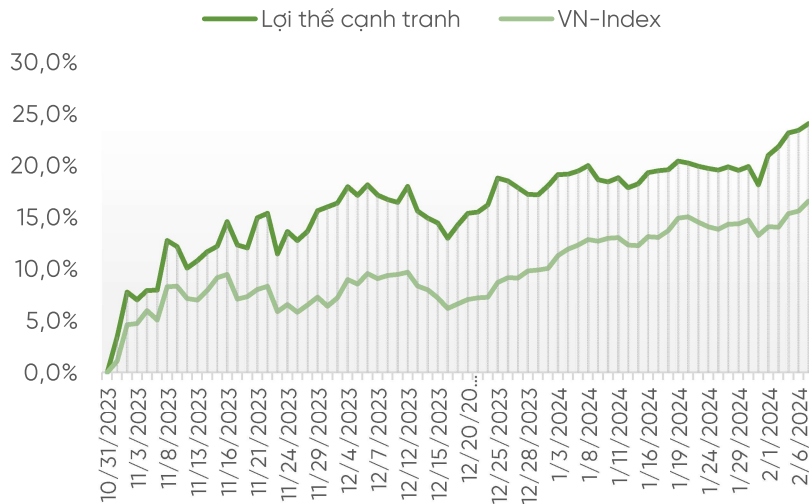
TÀI CHÍNH TĂNG TRƯỞNG			Upside	1%
Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
BID	VND 48.950	VND 48.200	-1,5%	0%
BVH	VND 41.300	VND 45.200	9,4%	0%
CTG	VND 35.000	VND 30.500	-12,9%	0%
HCM	VND 27.000	VND 25.700	-4,8%	0%
SSI	VND 35.100	VND 35.800	2,0%	0%

ĐẦU TƯ THUẬN XU THẾ			Upside	8%
Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng
STB	VND 31.250	VND 34.300	9,8%	15%
HPG	VND 28.700	VND 31.600	10,1%	15%
NKG	VND 24.750	VND 26.200	5,9%	20%
SSI	VND 35.100	VND 35.800	2,0%	20%
VCI	VND 45.150	VND 48.500	7,4%	30%

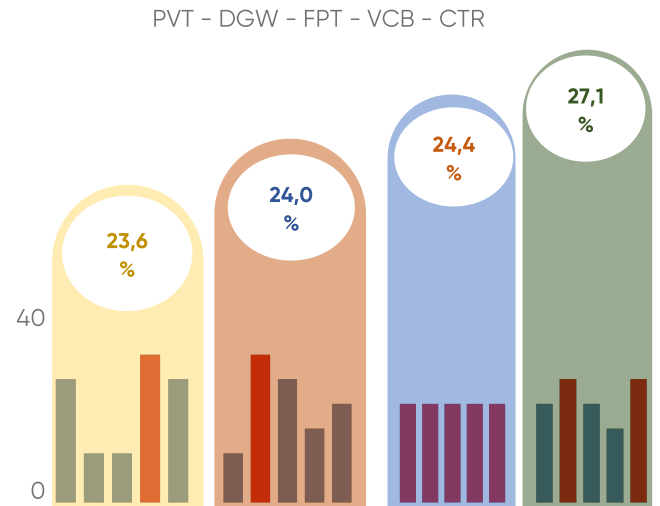
CỔ TỨC ỔN ĐỊNH			Upside	12%	Lưu ý
Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Upside	Tỷ trọng	
BMP	VND 104.000	VND 102.800	-1,2%	20%	
DPM	VND 34.000	VND 39.200	15,3%	25%	
VCS	VND 61.800	VND 62.800	1,6%	15%	
SCS	VND 72.200	VND 68.100	-5,7%	20%	
GMD	VND 69.500	VND 78.500	12,9%	20%	Thay thế TLG

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

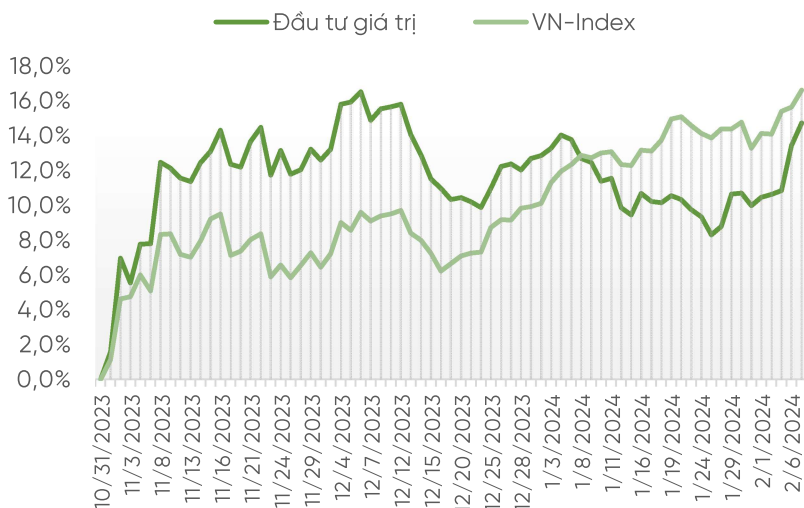


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

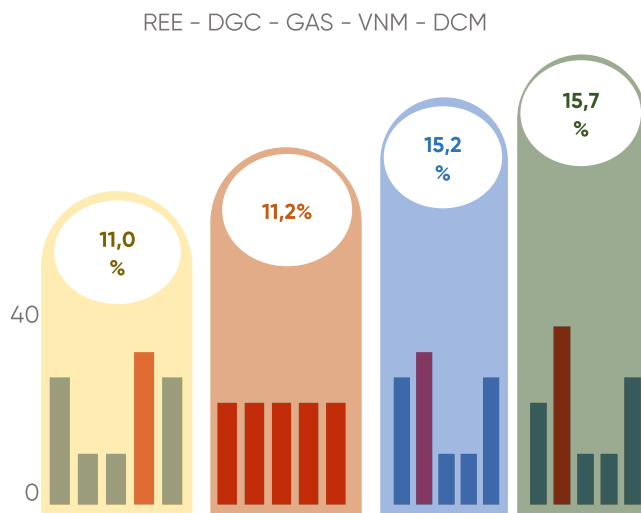
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
PVT	10%	VND 27.200	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 tăng 7% n/n nhờ gia tăng lợi nhuận từ hiệu quả khai thác đội tàu. Giá cước vận tải phục hồi sau sự suy giảm trong Q2 2023. Nhu cầu sử dụng tàu được dự báo gia tăng nhờ hồi phục nhu cầu tiêu thụ dầu và dầu sản phẩm trong năm 2024.
DGW	30%	VND 60.200	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 đạt 354 tỷ đồng, hoàn thành 89% kế hoạch năm, và giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái do nhu cầu yếu. Nâng tỷ lệ sở hữu tại chuỗi cầm đồ Vietmoney lên 73%, hỗ trợ kế hoạch triển khai kinh doanh di động và laptop đã qua sử dụng thời gian tới. Kỳ vọng hưởng lợi từ sức mua hồi phục từ cuối năm 2024.
FPT	25%	VND 108.600	<ul style="list-style-type: none"> LNTT 2023 tăng 20% n/n. Doanh thu từ Dịch vụ CNTT tại nước ngoài chính thức vượt mốc 1 tỷ đô, đạt 24.288 tỷ đồng, tăng 28% /n. FPT ghi nhận đóng góp lớn từ thị trường nước ngoài, trong đó động lực chính đến từ Nhật Bản và APAC trong khi đó mảng giáo dục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, và mảng viễn thông duy trì tăng trưởng ổn định.
VCB	15%	VND 102.500	<ul style="list-style-type: none"> Lợi nhuận hợp nhất trước thuế 2023 đạt khoảng 41.200 tỷ đồng. Tăng trưởng dư nợ tín dụng đạt 10,9% so với cuối năm 2022. Tỷ lệ nợ xấu thấp, khoảng 0,98%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đang ở mức cao nhất ngành, 230%, cho phép VCB linh hoạt trong việc giảm dự phòng và hỗ trợ gia tăng lợi nhuận.
CTR	20%	VND 98.100	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu và LNTT 2023 tăng tương ứng 22% và 16% n/n nhờ tăng trưởng đều ở các mảng kinh doanh. Quyết định chi trả cổ tức tiền mặt còn lại năm 2022 với 1.919 VNĐ/CP. Ngày thực hiện 06/02/2024.

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

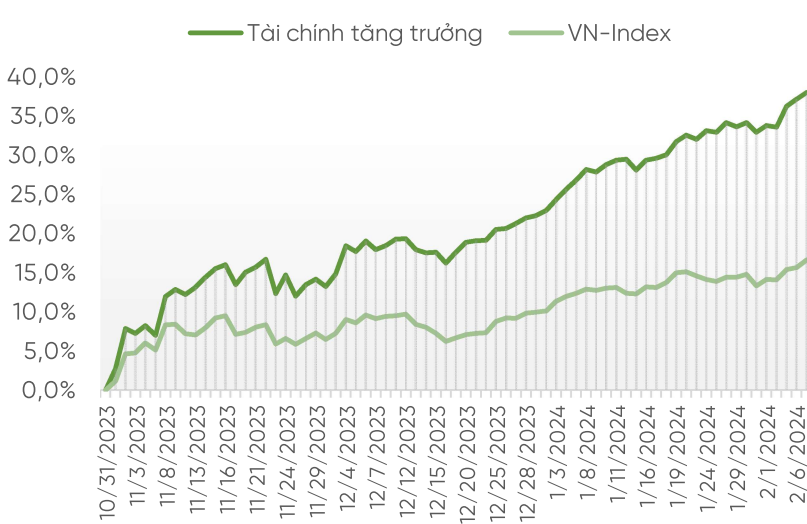


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

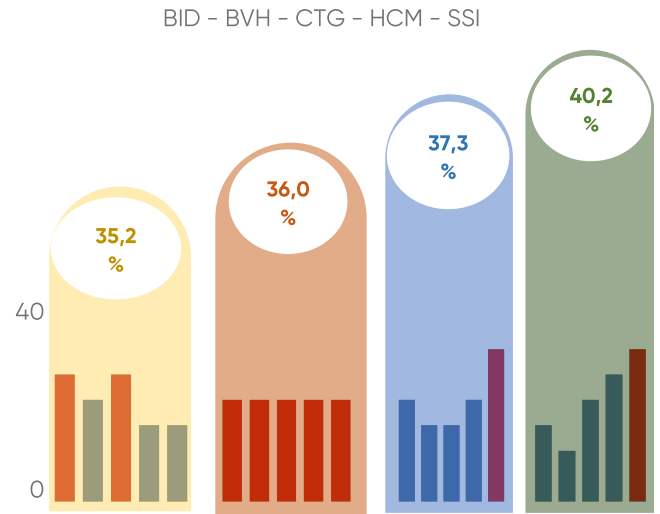
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
REE	25%	VND 68.200	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023, lãi ròng giảm 20,7% n/n trong bối cảnh: (i) hoạt động thủy điện gặp khó do ảnh hưởng tiêu cực của El Nino, (ii) giá điện thị trường thấp, và (iii) công ty liên kết Saigonres không ghi nhận doanh thu đáng kể. Triển vọng tăng trưởng 2024 được kỳ vọng từ (i) Tổ máy Số của PPC hoạt động trở lại, (ii) Etown 6 đi vào hoạt động từ đầu năm 2024.
DGC	30%	VND 98.200	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 giảm 44% n/n do giá bán & nhu cầu đối với mảng kinh doanh phốt pho syt giảm. Triển vọng tăng trưởng trong dài hạn đến từ nhu cầu khả quan đối với phốt pho vàng trên toàn cầu.
GAS	10%	VND 91.500	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 ước đạt trên 11,7 nghìn tỷ đồng, giảm khá so với năm 2022 do (i) nhu cầu từ các KH nhà máy điện giảm, và (ii) biên LN gặp giảm do giá dầu giảm. Triển vọng từ (i) dự án Lô B - Ô Môn nhờ bù đắp sản lượng khí giảm từ các bể cũ như Cửu Long và Nam Côn Sơn, và (ii) Đóng vai trò quan trọng khi là đơn vị cung cấp LNG cho các nhà máy điện.
VNM	10%	VND 76.800	<ul style="list-style-type: none"> Thị trường nội địa đã khôi phục được thị phần trong khi đã xuất hiện các tín hiệu tích cực từ thị trường xuất khẩu. Lãi ròng cả năm 2023 tăng 5,2% n/n. Cổ tức tiền mặt cả năm 2023 khoảng 2.900 VNĐ/CP, trong đó phần còn lại chia thành 2 đợt, 500 VNĐ/CP vào 28/02 và 900 VNĐ/CP vào 26/04.
DCM	25%	VND 36.800	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023, lãi ròng ước đạt 1.107 tỷ đồng, giảm khá so với cùng kỳ năm ngoái, tuy nhiên ghi nhận mức cao nhất trong ngành. Việc nhà máy phân bón của DCM dự kiến kết thúc khấu hao trong quý 3/2023, hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận từ quý 4/2023 trở đi.

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

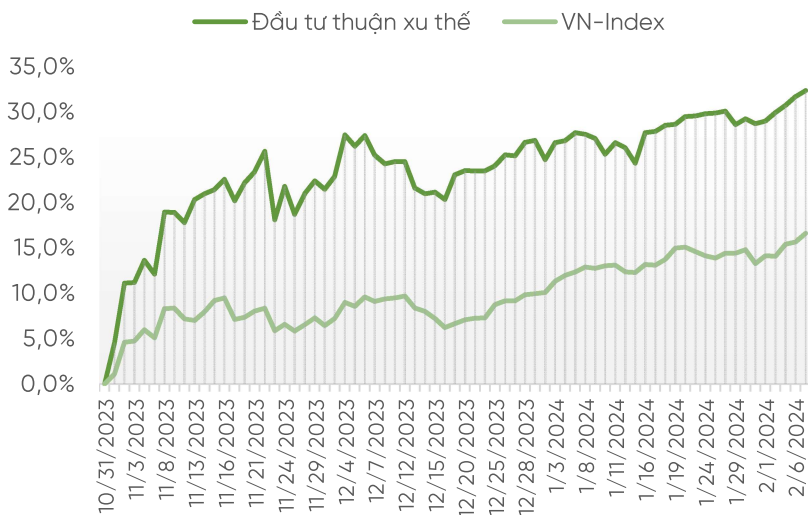


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
BID	0%	VND 48.200	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023, tổng thu nhập hoạt động của BID đạt 73.024 tỷ đồng, tăng 5,1% so với năm 2022. LNTT hợp nhất đạt trên 27.649 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2022, lợi nhuận hợp nhất tăng 16,2%. Tăng trưởng tín dụng được thúc đẩy nhờ chi phí vốn đầu vào thấp
BVH	0%	VND 45.200	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023, tổng doanh thu hợp nhất của công ty đạt 57.899 tỷ đồng, tăng trưởng 6,2% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.798 tỷ đồng, tăng 10,6%. Dự địa phát triển trong ngành lớn khi tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng còn thấp.
CTG	0%	VND 30.500	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023, chất lượng tín dụng được cải thiện, tỷ lệ nợ xấu chỉ ở mức 1,15%, nằm trong những ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất. LNTT đạt 25.100 tỷ đồng, tăng 18,8% so với cùng kỳ và hoàn thành kế hoạch kinh doanh. Trái phiếu doanh nghiệp được kiểm soát cẩn trọng. Cơ cấu dự nợ theo chiều hướng giảm dư nợ BĐS và tăng cho vay mảng SX-KD.
HCM	0%	VND 25.700	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động kinh doanh cải thiện mạnh mẽ trong 2 quý cuối năm 2023, giúp LNTT cả năm 2023 đạt 842 tỷ đồng, hoàn thành 93% kế hoạch. Đã thực hiện tăng vốn theo hình thức trả cổ tức bằng CP (tỷ lệ 15%) và chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1, kéo theo gia tăng quy mô vốn điều lệ từ 4.580 tỷ đồng lên ~7.544 tỷ đồng.
SSI	0%	VND 35.800	<ul style="list-style-type: none"> LNST 2023 tăng 35,4% n/n với doanh thu ghi nhận tăng trưởng khá ở các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi. Công ty đang chấp nhận hi sinh lợi nhuận để giành thị phần trong bối cảnh cạnh tranh cao trên TTCK. Duy trì hiệu quả hoạt động & mức sinh lời cao. Dự kiến nâng vốn điều lệ ~19.645 tỷ đồng.

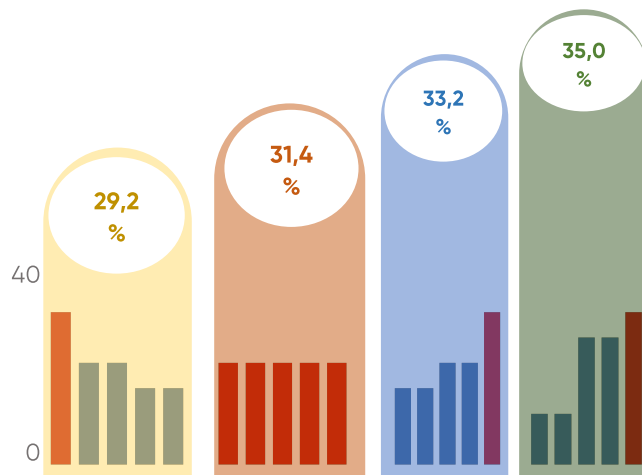
BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP

STB - HPG - NKG - SSI - VCI

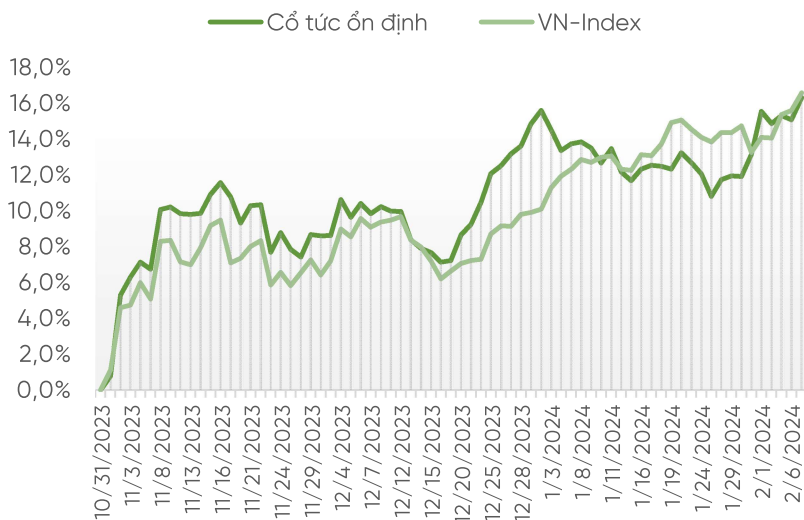


THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

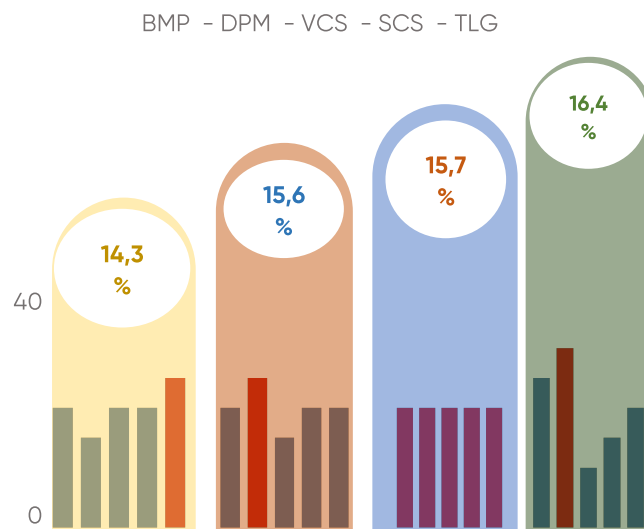
Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
STB	15%	VND 34.300	<ul style="list-style-type: none"> Lũy kế cả năm 2023, tổng thu nhập hoạt động đi ngang, tuy nhiên nhờ cắt giảm gần 59% chi phí dự phòng rủi ro nên lợi nhuận trước thuế của ngân hàng này vẫn tăng hơn 51% đạt 9.595 tỷ đồng cả năm 2023, hoàn thành chỉ tiêu đưa ra.
HPG	15%	VND 31.600	<ul style="list-style-type: none"> Lũy kế cả năm 2023, HPG ghi nhận 6.800 tỷ đồng LNST, hoàn thành 85% kế hoạch năm. Thị trường BĐS hồi phục, đầu tư công tăng trưởng mạnh mẽ giúp tăng nhu cầu thép xây dựng cùng với kỳ vọng phục hồi giá thép, tạo điều kiện thúc đẩy gia tăng LN của HPG trong năm 2024.
NKG	20%	VND 26.200	<ul style="list-style-type: none"> Lũy kế năm 2023, LNST đạt 117,4 tỷ đồng, khởi sắc hơn so với mức lỗ cùng kỳ năm trước. Tuy vậy, NKG mới chỉ hoàn thành hơn 44,3% kế hoạch lợi nhuận. NKG đang có kế hoạch xây dựng nhà máy Nam Kim Phú Mỹ (Vũng Tàu) với công suất dự kiến 1,2 triệu tấn/năm, dự kiến triển khai từ 2024.
SSI	20%	VND 35.800	<ul style="list-style-type: none"> LNST 2023 tăng 35,4% n/n với doanh thu ghi nhận tăng trưởng khá ở các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi. Công ty đang chấp nhận hi sinh lợi nhuận để giành thị phần trong bối cảnh cạnh tranh cao trên TTCK. Duy trì hiệu quả hoạt động & mức sinh lời cao. Dự kiến nâng vốn điều lệ ~19.645 tỷ đồng.
VCI	30%	VND 48.500	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 giảm 43% n/n chủ yếu do hoạt động kinh doanh giảm mạnh 6 tháng đầu năm, hoàn thành 57% kế hoạch LNNT. VCI có thế mạnh trong mảng IB đồng thời nằm trong top đầu thị phần môi giới là nền tảng giúp công ty phát triển cùng thị trường chứng khoán.

BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả hoạt động DM



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP



THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

Mã CP	Tỷ trọng	Giá mục tiêu	Thông tin cập nhật
BMP	20%	VND 102.800	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 tăng 50% n/n trong khi doanh thu giảm 12% n/n trong bối cảnh nhu cầu VLXD sụt giảm & yếu tố thời vụ. Giá hạt nhựa giảm mạnh trong khi giá bán vẫn được duy trì giúp biên LN gộp tăng từ 28% trong năm 2022 lên 41%. Tháng 12 tạm ứng cổ tức tiền mặt với 6.500 VNĐ/CP. Sản lượng tiêu thụ kỳ vọng phục hồi nhờ việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công & phục hồi của thị trường bất động sản.
DPM	25%	VND 39.200	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 giảm mạnh 90% n/n do giá bán Ure và giá bán NH3 giảm mạnh, trong khi đó giá khí tăng cao so với cùng kỳ năm ngoái. Biên LN gộp giảm mạnh còn 12% từ 42% trong năm 2022. Giá Ure toàn cầu được kỳ vọng sẽ ổn định hơn sau khi chạm đáy vào cuối Q2 2023. Kỳ vọng thị trường phân bón sẽ ít biến động hơn trong khi giá dầu & khí tự nhiên đang hạ nhiệt.
VCS	15%	VND 62.800	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 giảm 26% n/n do nhu cầu yếu và các chính sách thắt chặt tại thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, biên LN gộp vẫn duy trì ở mức cao với 29%. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt 2023 trong 2 đợt với tỷ lệ 4.000 VNĐ/CP.
SCS	20%	VND 68.100	<ul style="list-style-type: none"> Lãi ròng 2023 giảm 18% n/n do ghi nhận chi phí nhượng quyền theo cơ chế nhượng quyền mới của Bộ Giao thông vận tải khiến biên LN gộp cả năm giảm còn 75%, thấp hơn mức 82% trong năm 2022. Sản lượng hàng hóa hàng không qua nhà ga SCS được kỳ vọng gia tăng trên cơ sở nền kinh tế thế giới hồi phục, thúc đẩy giao thương mạnh mẽ giữa các nước.
GMD	20%	VND 78.500	<ul style="list-style-type: none"> Thay thế cho mã cổ phiếu TLG trong danh mục do hoạt động kinh doanh đang tiếp tục khó khăn trong bối cảnh nhu cầu giảm. GMD có hệ thống cảng biển & logistics lớn, hoạt động hiệu quả với doanh thu và lợi nhuận ghi nhận tăng trưởng đều qua các năm. Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải, đem về nguồn tiền lớn giúp công ty tập trung đầu tư mở rộng Nam Định Vũ và Gemalink.

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của VPBankS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Tỷ lệ (Giá mục tiêu - Giá hiện tại) / Giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$ (DM trung/dài hạn), $\geq 10\%$ (DM ngắn hạn)
TĂNG TỶ TRỌNG	10% - < 20%
THEO DÕI	< 10%

Email:

Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.